

**CÔNG TY TNHH NHỰA PHONG SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHỰA PHONG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHONG SON PLASTIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHONG SON PLASTIC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108787657

**3. Ngày thành lập:** 17/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968272499

Fax:

Email: [nhuaphongson@gmail.com](mailto:nhuaphongson@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                             | 0113        |
| 2.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                            | 1062        |
| 3.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621        |
| 4.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 6.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                           | 1701        |
| 7.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                      | 1702        |
| 8.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                         | 1709        |
| 9.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                     | 2013        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                         | 2219        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                             | 2220(Chính) |
| 12. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511        |
| 13. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                         | 2591        |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                             | 2592        |
| 15. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                | 2816        |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                               | 3312        |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                  | 3320        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101        |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212        |

|     |                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                     | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                      | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                       | 4229 |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                | 4291 |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                         | 4292 |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                   | 4293 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                              | 4299 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                  | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                       | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                   | 4321 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                   | 4322 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                          | 4329 |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                          | 4330 |
| 36. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                     | 4390 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa | 4610 |
| 38. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)   | 4620 |
| 39. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                          | 4631 |
| 40. | Bán buôn thực phẩm                                                                                      | 4632 |
| 41. | Bán buôn đồ uống                                                                                        | 4633 |
| 42. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                   | 4634 |
| 43. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                    | 4641 |
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;       | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác     | 4659 |
| 46. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 47. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663 |
| 48. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; | 4669 |
| 49. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4721 |
| 50. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722 |
| 51. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 52. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4724 |
| 53. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 54. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 55. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4781 |
| 56. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4782 |
| 57. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 58. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932 |

|     |                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 59. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                         | 4933 |
| 60. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                           | 5210 |
| 61. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229 |
| 62. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                          | 7410 |
| 63. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                  | 8121 |
| 64. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                      | 8129 |
| 65. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: MẠC MINH HIẾU

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/02/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030099002545

Ngày cấp: 15/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bờ Dọc, Phường An Lạc, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MẠC MINH HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/02/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030099002545

Ngày cấp: 15/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bờ Dọc, Phường An Lạc, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội